

Số: /BC-STP

An Giang, ngày tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Quyết định quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3309/STC-QLNS ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Tờ trình và Quyết định quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang, Sở Tư pháp đã tổ chức thẩm định và báo cáo kết quả như sau:

I. TÍNH HỢP HIẾN, HỢP PHÁP VÀ TÍNH THỐNG NHẤT CỦA DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH VỚI HỆ THỐNG PHÁP LUẬT

Tại khoản 3 Điều 17; điểm b khoản 2 Điều 20; điểm b khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước quy định:

“Điều 17. Lập dự toán kinh phí nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị

3. Đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương.

Điều 20. Lập dự toán kinh phí nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng

2. *Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện nhiệm vụ sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng*

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 25. Lập dự toán hoạt động quy hoạch

2. *Thẩm quyền quyết định phê duyệt và dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch*

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

Điều 27. Lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ

1. *Việc lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thuê hàng hóa, dịch vụ được thực hiện theo quy định tại Điều 17 Nghị định này.*

Tại điểm b, d khoản 1 Điều 50 và khoản 2 Điều 53 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“Điều 50. Trường hợp và thẩm quyền quyết định xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo trình tự, thủ tục rút gọn

1. *Việc xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật được thực hiện theo trình tự, thủ tục rút gọn thuộc trường hợp sau đây:*

b) *Trường hợp cấp bách để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực tiễn;*

d) *Trường hợp cần sửa đổi ngay cho phù hợp với văn bản quy phạm pháp luật mới được ban hành; ...”*

Điều 53. Thời điểm có hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật

2. *Văn bản quy định chi tiết phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản giao quy định chi tiết hoặc thời điểm có hiệu lực của nội dung được giao quy định chi tiết.”*

Tại khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định:

“3. *Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:*

“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định:

a) *Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”*

Căn cứ các quy định nêu trên, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang là ***cần thiết và đúng thẩm quyền.***

II. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Dự thảo Quyết định quy định:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 17, điểm b Khoản 2 Điều 20, điểm b Khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 27 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, gồm:

a) Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí đối với thực hiện các nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; Thuê hàng hóa, dịch vụ; Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng tối đa không quá 20 tỷ đồng/nhiệm vụ;

b) Thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí đối với hoạt động quy hoạch.

2. Đối tượng áp dụng

a) Cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội), tổ chức chính trị trên địa bàn tỉnh An Giang.

b) Đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh An Giang.

c) Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này.”

Tuy nhiên, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh một số nội dung sau:

1. Nhằm thống nhất với tên Quyết định, đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh phạm vi điều chỉnh như sau:

“1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng không quá 20 tỷ

đồng/nhiệm vụ; quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 17, điểm b khoản 2 Điều 20, điểm b khoản 2 Điều 25 và khoản 1 Điều 27 của Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước.”

2. Do từ “tối đa” và “không quá” có cùng ý nghĩa nên đề nghị cơ quan soạn thảo lựa chọn sử dụng một trong hai từ để bảo đảm thống nhất cách diễn đạt.

Lưu ý: điều chỉnh thống nhất cách dùng từ như trên tại **tên Điều 2** dự thảo Quyết định.

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh, bổ sung đầy đủ đối tượng áp dụng theo nội dung dự thảo Quyết định (Quyết định có đối tượng áp dụng cụ thể gồm: cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu). Đồng thời, rà soát đối tượng theo ý kiến tại khoản 5 Mục III của Báo cáo này.

III. DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh dự thảo Quyết định theo ý kiến tại Mục II của Báo cáo này và các nội dung sau:

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh định lề trang theo quy định tại khoản 3 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

“3. Định lề trang: Cách mép trên và mép dưới, mép phải 15 - 20 mi-li-mét (mm), cách mép trái 30 - 35 mi-li-mét (mm).”

2. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh cỡ chữ tại phần thẩm quyền ký ban hành theo quy định tại điểm b khoản 7 Mục I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP, cụ thể:

“7. Ký văn bản quy phạm pháp luật

b) Chức vụ của người có thẩm quyền ký văn bản được trình bày bằng chữ in hoa, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, đậm.”

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh một số căn cứ ban hành như sau:

“Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC
ngày tháng năm 2026 dự thảo Quyết định quy định thẩm quyền quyết*

định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; ...;”.

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ dấu chấm cuối tên Điều 2; rà soát, điều chỉnh thống nhất dấu cuối các điểm trong toàn bộ dự thảo Quyết định (do cuối điểm a khoản 1 Điều 1; điểm a khoản 1 Điều 2; điểm a khoản 1 Điều 3 là dấu chấm phẩy nhưng điểm a, b khoản 2 Điều 1; điểm a khoản 2 Điều 4 là dấu chấm).

5. Điều 2 và Điều 3

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, bảo đảm tính thống nhất trong quy định về thẩm quyền, theo đó, đối với cấp tỉnh, quy định thẩm quyền thuộc về cá nhân (Thủ trưởng), trong khi đối với cấp xã lại quy định thẩm quyền thuộc về tổ chức (Ủy ban nhân dân).

Đối với khoản 1 Điều 2 và khoản 1 Điều 3, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát sự phù hợp giữa tên khoản và nội dung quy định. Theo đó, tên khoản quy định “Đối với các cơ quan, đơn vị dự toán cấp tỉnh”, trong khi nội dung lại quy định thẩm quyền của “**Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán cấp 4**”. Do đó, để bảo đảm tính rõ ràng và thống nhất trong cách thể hiện, đề xuất cơ quan soạn thảo điều chỉnh tên khoản theo hướng “Đối với cấp tỉnh” hoặc điều chỉnh tên khoản và nội dung khoản phù hợp.

b) Dự thảo quy định Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện các nhiệm vụ ở cấp xã là phù hợp.

Tuy nhiên, cần đánh giá đầy đủ điều kiện thực tế và năng lực tổ chức thực hiện của cấp xã để bảo đảm tính khả thi. Trên thực tế, năng lực quản lý tài chính - ngân sách, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã cũng như điều kiện về tổ chức bộ máy, quy trình nội bộ còn có sự khác biệt giữa các địa phương. Trong khi đó, các nội dung được giao thẩm quyền có liên quan đến nhiều lĩnh vực chuyên môn như mua sắm, sửa chữa, xây dựng, quy hoạch đòi hỏi yêu cầu cao về chuyên môn và tuân thủ pháp luật chuyên ngành.

Do đó, nhằm tránh trường hợp giao thẩm quyền nhưng không bảo đảm nguồn lực thực hiện, dẫn đến khó khăn hoặc rủi ro trong quá trình triển khai, đề nghị cơ quan soạn thảo đánh giá cụ thể về điều kiện bảo đảm thực hiện (nhân lực, năng lực chuyên môn, quy trình quản lý và khả năng cân đối ngân sách) của cấp xã nhằm đảm bảo tính khả thi của văn bản.

6. Điều 4

a) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh thống nhất cụm từ “*cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân cấp xã*” hay “*cơ quan, đơn vị và địa phương*”.

b) Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh cụm từ “*dự kiến chi phí*” thành “*dự kiến kinh phí*” nhằm phù hợp với quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP và toàn bộ dự thảo Quyết định.

7. Do “*Cổng TTĐT tỉnh An Giang*” thuộc Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh nên đề nghị bỏ dòng “*Cổng TTĐT tỉnh An Giang*” tại Nơi nhận.

IV. TỜ TRÌNH DỰ THẢO

Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh Tờ trình dự thảo theo ý kiến tại Mục II, III của Báo cáo này và một số nội dung sau:

1. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh chính xác tên Quyết định trong toàn bộ Tờ trình dự thảo (từ “*quyết định*” thành “*Quyết định*”).

2. Do Tờ trình dự thảo là văn bản hành chính nên đề nghị điều chỉnh viện dẫn theo quy định tại điểm b khoản 6 Mục II Phần I Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư, cụ thể:

“6. Nội dung văn bản

b) Khi viện dẫn lần đầu văn bản có liên quan, phải ghi đầy đủ tên loại, số, ký hiệu của văn bản, thời gian ban hành văn bản, tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản và trích yếu nội dung văn bản (đối với Luật và Pháp lệnh chỉ ghi tên loại và tên của Luật, Pháp lệnh); trong các lần viện dẫn tiếp theo, chỉ ghi tên loại và số, ký hiệu của văn bản đó.”

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo điều chỉnh phần cuối Tờ trình như sau: “*Trên đây là Tờ trình về dự thảo Quyết định ..., Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xem xét, quyết định./.*”

4. Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung đầy đủ tài liệu kèm theo theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

V. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC SOẠN THẢO VĂN BẢN

1. Ngày 17 tháng 4 năm 2026, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1399/QĐ-UBND ban hành danh mục Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung được giao tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước (theo trình tự, thủ tục rút gọn).

2. Sở Tài chính đã dự thảo Quyết định, lấy ý kiến góp ý tại Công văn số 2974/STC-QLNS ngày 17 tháng 4 năm 2026 về việc góp ý đối với dự thảo Tờ trình và Quyết định quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch của các cơ quan, đơn vị, địa phương sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. Sở Tài chính đã tổng hợp, giải trình ý kiến góp ý và gửi Sở Tư pháp thẩm định tại Công văn số 3309/STC-QLNS.

VI. KẾT LUẬN

Dự thảo Quyết định đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh trong trường hợp cơ quan soạn thảo rà soát, điều chỉnh theo các ý kiến tại Mục II, III, IV của Báo cáo này.

Trên đây là Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp kính gửi Quý cơ quan./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Cổng thông tin điện tử Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, XDTHPL, btphao.

GIÁM ĐỐC

Trịnh Tuấn Ngọc